

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2025
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hồ Hải Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc P, sinh năm xxxx. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố K, phường L, thành phố GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1995. (*vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 18/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh S đăng ký kết hôn vào tháng 5/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T. Tuy nhiên, anh chị tự nguyện chung sống vợ chồng từ trước đó và do gia đình hai bên không đồng ý với cuộc hôn nhân này nên không có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu, vợ chồng chị đi làm thuê tại tỉnh LA; đến năm 2022, anh chị về sinh sống tại ấp B, xã T, huyện G tại nhà của anh S, chị đi làm công nhân tại Khu công nghiệp GT, anh S đi làm shipper (nhân viên giao hàng) tại xã KP từ năm 2023 đến nay. Quá trình chung sống, anh S nhiều lần to tiếng chửi mắng và đánh đập chị nên chị về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2024, từ đó đến nay vợ chồng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng S không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt hai bên đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị P, nhận thấy:

- Vợ chồng chị tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 10/5/2024 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Quá trình chung sống: Chị P xác định vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2024 do anh S nhiều lần to tiếng chửi mắng, đánh đập chị và hiện anh chị đã không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh S nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị P. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh S tự từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như chị P đã nêu; đồng thời, điều này còn cho thấy anh không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị được ly hôn với anh S là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị P yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc P. Chị Lê Thị Ngọc P được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013799 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên